

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **345/2022/KDTM-PT**
Ngày: 29/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và 29 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/KDTMPT ngày 25/02/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Phan Văn L, Lê Kiều O, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị Kim D kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1574/2022/QĐXX-PT ngày 29/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 3891/2022/QĐ-HPT ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP C

Địa chỉ: số 108 T, quận K, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Hoa Thiên V

Địa chỉ liên hệ: V – Chi nhánh B - số 144A Tỉnh Lộ A, khu phố 1, Thị trấn X, huyện X, Thành phố H. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH TM-DV Xuất Nhập Khẩu P.

Địa chỉ: 1195 Tỉnh Lộ A, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh P, sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú: Cụm C, Thị trấn G, Huyện G, Tỉnh H.

Chỗ ở hiện tại: 408 P, Phường C, Quận D, Thành phố H. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Văn L, sinh năm 1956;

3.2. Bà Lê Kiều O;

Cùng ngụ: 7/11 khu phố T, xã V, huyện T, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: 957 T, khu phố C, phường T, quận V, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của ông L, bà O, ông L, bà D có bà Nguyễn Thanh Kim T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 0815 Khối C, C/c giá thấp T 3, đường số 11, Khu Dân Cư H 3, tổ 105, khu 7, phường H, thành phố T, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: 10 Bis S, phường T, Quận C, Tp. H.

Bà Thủy ủy quyền lại cho: Ông Lê Văn H

Địa chỉ liên hệ: 10 Bis S, phường T, Quận C, Tp. H. (có mặt)

3.3. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1957;

3.4. Bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1964.

Cùng ngụ địa chỉ: 4/79, ấp H, xã T, huyện A, tỉnh D (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2012, Ngân Hàng TMCP C (sau đây gọi là Ngân Hàng C) Chi nhánh Bắc Sài Gòn (trước đây là Chi nhánh C) ký hợp đồng tín dụng số 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 với Công ty TNHH TM DV XNK P (sau đây gọi là Công ty P) theo đó:

- + Số tiền cho vay: 19.000.000.000 đồng (Mười chín tỷ đồng);
- + Mục đích xin vay: Bổ sung vốn kinh doanh nông sản.
- + Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/01/2012 đến 17/01/2013;
- + Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là: 18%/năm;
- + Lãi suất cho vay hiện đang áp dụng là: 17%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản;
- + Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên thứ 3.

1.1 Tình hình thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ:

Ngày nhận nợ là ngày 18/01/2012, ngày đến hạn là ngày 17/01/2013, số tiền nhận nợ là 19.000.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 1.936.508.000 đồng,

đư nợ gốc hiện tại là 17.063.492.000 đồng, lãi trong hạn cộng dồn đến ngày 06/01/2020 là 22.231.370.720 đồng, lãi quá hạn cộng dồn đến ngày 06/01/2020 là 9.290.972.778 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/01/2020 là 48.585.835.498 đồng.

1.2 Chi tiết tài sản bảo đảm tiền vay:

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 024/12-HĐTC ngày 17/01/2012 đã được công chứng viên Văn phòng công chứng T, số 105, khu phố Khánh Lợi, thị trấn T, T, Tỉnh B công chứng số 780, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/01/2012 tại Văn phòng đăng ký QSDĐ- Phòng tài nguyên môi trường huyện B, B gồm tài sản chi tiết như sau:

Thông tin về tài sản thế chấp như sau:

Thửa đất thế chấp.

+ Thửa đất số: 1160, tờ bản đồ số: 29, địa chỉ: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, Bình Dương;

+ Diện tích: 4736 m² (bốn ngàn bảy trăm ba mươi sáu mét vuông);

+ Loại đất: Đất trồng cây lâu năm: 2576 m², đất ở tại nông thôn: 2000 m², HLBV an toàn công trình đường đất: có 60 m², HLBV an toàn công trình đường xe lửa: và 100 m²;

+ Thời hạn sử dụng: đất trồng cây lâu năm: 11/2048, đất ở tại nông thôn: lâu dài;

+ Giấy tờ về QSDĐ: GCN quyền sử dụng đất số BC 776301 sổ vào sổ cấp GCN CH 00783 do UBND Huyện Bến Cát cấp ngày 12/08/2010.

Tài sản gắn liền với đất:

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 025/12-HĐTC ngày 17/01/2012 đã được công chứng viên Văn phòng công chứng Tân Uyên, số 105, khu phố Khánh lợi, thị trấn T, Tân Uyên, Tỉnh B công chứng số 780, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/01/2012 tại Văn phòng đăng ký QSDĐ- Phòng tài nguyên môi trường huyện B, Bình D gồm tài sản chi tiết như sau:

Thông tin về tài sản thế chấp như sau:

Thửa đất thế chấp số: 38, tờ bản đồ số: 05, địa chỉ: xã Chánh Phú Hòa, Huyện B, Bình D, diện tích: 10464 m² (mười nghìn bốn trăm sáu mươi bốn mét vuông), Loại đất: Đất trồng cây lâu năm: 706 m², đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 9000 m², HLBV đường bộ: 758 m²;

+ Thời hạn sử dụng: 02/2043.

+ Giấy tờ về QSDĐ: GCN quyền sử dụng đất số AP 150348 sổ vào sổ cấp GCN CH 03509 do UBND Huyện B cấp ngày 15/11/2009.

Tài sản gắn liền với đất: không có.

1.3 Quá trình xử lý thu hồi nợ của Ngân hàng.

Do Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản đôn đốc trả nợ và làm việc trực tiếp với bên vay, bên chủ tài sản bảo đảm nhưng đến nay Công ty P vẫn nhiều lần vi phạm cam kết, vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, chưa trả nợ cho Ngân hàng.

Dư nợ của Công ty P phát sinh theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 tại Ngân Hàng TMCP C – Chi nhánh Bắc Sài Gòn tạm tính đến ngày 06/01/2020 là:

Tổng nợ gốc quá hạn là: 17,063,492,000 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn là: 22,231,370,720 đồng.

Tổng lãi quá hạn là : 9,290,972,778 đồng.

Tổng cộng: 48,585,835,498 đồng (bốn mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng), lãi và lãi phạt vẫn tiếp tục phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 cho đến khi thu dứt nợ.

Do Công ty P đã nhiều lần vi phạm cam kết, vi phạm các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân Hàng TMCP C, Ngân Hàng TMCP C kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý giải quyết buộc:

+ Công ty P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng TMCP C theo hợp đồng tín dụng số 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 được ký kết giữa Ngân Hàng TMCP C, Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty Phương Thắng, số tiền tạm tính đến ngày 06/01/2020 là:

Tổng nợ gốc quá hạn là: 17,063,492,000 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn là: 22,231,370,720 đồng.

Tổng lãi quá hạn là : 9,290,972,778 đồng.

Tổng cộng: 48,585,835,498 đồng (bốn mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng), lãi và lãi phạt vẫn tiếp tục phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 sau ngày 06/01/2020 cho đến khi thu dứt nợ.

+ Công ty P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 16/03/2018 cho đến khi trả hết nợ vay.

+ Nếu Công ty P không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân Hàng TMCP C có quyền bán phát mại tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp, hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiền hành kê biên, bán tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá xử lý tài sản thế chấp thấp hơn nghĩa vụ trả nợ vay của Công ty P thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiếp tục kê biên các tài sản khác của Công ty P để bán cho đến khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Công ty P tại Ngân Hàng TMCP C.

Ngân Hàng TMCP C (Ngân Hàng C) yêu cầu Công ty P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng TMCP C số tiền vừa gốc và lãi tổng cộng: 61.400.419.168 đồng (trong đó: nợ gốc là: 17.063.492.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn chưa trả là: 30.716.951.445 đồng, lãi quá hạn là: 13.619.975.723 đồng); trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu Công ty P phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng TMCP C theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 13/11/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu nếu Công ty P không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân Hàng TMCP C có quyền bán phát mại tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp, hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá xử lý tài sản thế chấp thấp hơn nghĩa vụ trả nợ vay của Công ty P thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiếp tục kê biên các tài sản khác của Công ty P để bán cho đến khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Công ty P tại Ngân Hàng TMCP C

Bản án sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP C (Ngân Hàng C).

Buộc Công ty TNHH TM DV XNK P phải trả cho Ngân Hàng TMCP C số tiền là 61.400.419.168 đồng (Sáu mươi một tỷ bốn trăm triệu bốn trăm mười chín nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); Trong đó: nợ gốc là: 17.063.492.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn chưa trả là: 30.716.951.445 đồng, lãi quá hạn là: 13.619.975.723 đồng; Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty TNHH TM DV XNK P phải trả cho Ngân Hàng TMCP C tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 013/12-HĐTD ngày 17/01/2012 kể từ ngày 13/11/2021 cho đến khi trả hết nợ

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP C về việc Nếu Công ty TNHH TM DV XNK P không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân Hàng TMCP C có quyền bán phát mại tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH TM DV XNK P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân Hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

+ Phần đất có diện tích 4.736 m² thuộc thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 29, đất tọa lạc tại xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc quyền sử dụng đất CH00783 ngày 12/8/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phan Văn L.

+ Phần đất có diện tích 10.464 m² thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã C, huyện C, tỉnh Bình D, thuộc quyền sử dụng đất H03509 ngày 05/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình D cấp cho bà Phan Thị Kim D.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Phan Văn L, Lê Kiều O, Nguyễn Thanh L, Phạm Thị Kim D có bà Nguyễn Thanh Kim T là đại diện ủy quyền có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày : nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo : yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng :

[1.1] Về thủ tục tổng đạt và niêm yết để xét xử vắng mặt bị đơn: Theo Công văn trả lời của Sở Kế hoạch đầu tư thì “*Công ty P có địa chỉ trụ sở tại số 1195 đường tỉnh Lộ 15, ấp Phú Hòa, xã P, huyện C. Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Mạnh P sinh 1976, HKTT : Cụm 14, thị trấn G, huyện G, tỉnh H. Nơi ở hiện tại : 408 P, Phường C, Quận D Thành phố H*”.

Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thực hiện thủ tục niêm yết tại trụ sở của Công ty P ở địa chỉ 1195 đường tỉnh lộ A, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố H mà không thực hiện thủ tục xác minh, niêm yết tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật của Công ty P. Đáng lẽ ra,

Tòa cấp sơ thẩm phải thực hiện xác minh làm rõ hiện nay người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Đỗ Mạnh P hiện có còn cư ngụ tại các địa chỉ trên hay không hay đang cư ngụ tại địa chỉ nào để thực hiện việc tổng đạt hoặc niêm yết theo đúng qui định. Do đó, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện niêm yết tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật của Công ty P là không bảo đảm quyền lợi của đương sự và đã vi phạm Điều 178; Điều 179; Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về trình tự thủ tục tổng đạt cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Theo nội dung của bản án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bà Nguyễn Thanh Kim T là đại diện ủy quyền cho ông Phan Văn L và bà Lê Thị Kiều O.

[1.2.1] Xét hợp đồng ủy quyền số 4491 Quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2021 ký tại Văn phòng Công chứng T giữa bà Nguyễn Thanh Kim T với ông Phan Văn L và bà Lê Thị Kiều O thì nội dung và phạm vi ủy quyền ghi rõ “*Bên A đồng ý ủy quyền cho bên B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*”. Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh Kim T là đại diện ủy quyền ông L và bà O để triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm là vượt quá phạm vi ủy quyền.

[1.2.2] Tuy vậy, Tòa cấp sơ thẩm vẫn đồng thời thực hiện niêm yết giấy triệu tập đương sự cho ông L và bà O tại địa chỉ 957 S, khu phố 03 phường T, Quận A, Thành phố H nhưng lại không thực hiện xác minh xem ông L và bà O hiện có còn cư ngụ tại địa chỉ 57 S, khu phố 03 phường T, Quận A, Thành phố H hay không. Mặt khác, trong biên bản niêm yết tổ trưởng đã ghi rõ ông L và bà O đã không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, hiện nay ở đâu không rõ. Hợp đồng ủy quyền của ông L và bà O thì ghi địa chỉ của ông L là 7/11 Khu phố T, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình D.

[1.2.3] Như vậy việc niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho ông L và O không bảo đảm được quyền lợi cho các đương sự. Thủ tục niêm yết vi phạm Điều 179; Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Kim T :

[2.1] Xét hai hợp đồng ủy quyền số 004395 ngày 14/4/2021 ký tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn giữa bà Nguyễn Thanh Kim T với ông Nguyễn Thanh L và bà Phan Thị Kim D thì nội dung và phạm vi ủy quyền của hợp đồng này là hợp lệ. Do đó bà T có quyền thay mặt bà D và ông L kháng cáo Bản án số 11/2021/KDTM-ST của Tòa án nhân dân huyện C.

[2.2] Xét hợp đồng ủy quyền số 4491 Quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2021 ký tại Văn phòng Công chứng T giữa bà Nguyễn Thanh Kim T với ông Phan Văn L và bà Lê Thị Kiều O thì nội dung và phạm vi ủy quyền ghi rõ “*Bên A đồng ý ủy quyền cho bên B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*”. Do đó việc bà Nguyễn Thanh Kim T thay mặt ông Phan Văn L và bà Lê Thị Kiều O kháng cáo Bản án số 11/2021/KDTM-ST của Tòa án nhân dân huyện C là không đúng qui định.

[3] Về nội dung của bản án :

[3.1] Bản án sơ thẩm đã tuyên:

“Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP C về việc nếu Công ty TNHH TM DV XNK P không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân Hàng TMCP C có quyền bán phát mại tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH TM DV XNK P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân Hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

+ Phần đất có diện tích 4.736 m² thuộc thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 29, đất tọa lạc tại xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc quyền sử dụng đất CH00783 ngày 12/8/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phan Văn L.

+ Phần đất có diện tích 10.464 m² thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc quyền sử dụng đất H03509 ngày 05/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Phan Thị Kim D”

[3.2] Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận ở cấp sơ thẩm tuy nguyên đơn rút không yêu cầu tòa án xem xét đến các hợp đồng thế chấp tài sản, nhưng vẫn giữ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty TNHH TMDV XNK P không thanh toán được nợ. Từ đó Tòa sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu nguyên đơn, và tuyên phát mãi các phần tài sản đã thế chấp trong hợp đồng thế chấp như vậy là vi phạm tố tụng. Tòa cấp sơ thẩm cần nhận định rõ trong trường hợp nguyên đơn không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết hợp đồng thế chấp thì cũng không được xem xét giải quyết đến việc phát mãi tài sản. Nếu nguyên đơn yêu cầu tuyên phát mãi tài sản thì phải xem xét đến các hợp đồng thế chấp.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã nộp bản giải trình xác định lại yêu cầu là yêu cầu Tòa án xem xét đến các hợp đồng thế chấp tài sản, để thực hiện việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty TNHH TMDV XNK P không thanh toán được nợ. Xét thấy, yêu cầu này mới phát sinh tại cấp phúc thẩm và cấp phúc thẩm không thể bổ sung thực hiện được do đó cần hủy án để thực hiện theo đúng trình tự thủ tục .

[3.4] Về nội dung kháng cáo người kháng cáo cho rằng không biết và không được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa là không có cơ sở, tại các biên bản tổng đạt và biên bản niêm yết đều thể hiện đại diện ủy quyền của người kháng cáo đã nhận được các thư triệu tập. Do đó, việc người kháng cáo yêu cầu hủy án vì lý do này là không có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Áp dụng Điều 178; 179; 180; Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn L và bà Lê Kiều O. Hủy Bản án sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao bản án về Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Phan Văn L và bà Lê Kiều O 2.000.000 (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0043814 ngày 14/2/2022 và 0043490 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi ;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh

